

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT
HD TS TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ 2023 - ĐỢT 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lâm Đồng, ngày 17 tháng 5 năm 2023

KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2023 - ĐỢT 1

1. NGÀNH: VẬT LÝ KỸ THUẬT

STT	SỐ BÁO DANH	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	ĐÔI TƯỢNG	ĐIỂM				GHI CHÚ
							XÉT TUYỂN	TIẾNG ANH			
								Điểm thi	Ưu tiên	Điểm NN	
1	231001	Nguyễn Văn	Chuẩn	15/04/1988	Nam		8.00	71.00		71.00	
2	231002	Nguyễn Minh	Đức	13/12/1995	Nam		6.00	81.25		81.25	
3	231003	Đỗ Chí	Nguyên	12/05/2000	Nam		8.00	MT	MT	MT	
4	231004	Nguyễn Quang	Thị	11/07/1982	Nam		7.00	84.25		84.25	
5	231005	Trần Hoàng	Vũ	20/10/1995	Nam		9.00	79.75		79.75	

2. NGÀNH: LỊCH SỬ VIỆT NAM

STT	SỐ BÁO DANH	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	ĐÔI TƯỢNG	ĐIỂM				GHI CHÚ
							XÉT TUYỂN	TIẾNG ANH			
								Điểm thi	Ưu tiên	Điểm NN	
1	231006	Tăng Thanh	Bằng	03/01/1998	Nam	KV1	10.00	61.50	10.00	71.50	
2	231007	Nguyễn Văn	Đạo	10/11/1987	Nam		8.00	61.50		61.50	
3	231008	Mai Sỹ	Hòa	09/11/1985	Nam		8.00	71.00		71.00	
4	231009	Trần Nhật	Nam	16/10/1983	Nam		8.00	59.25		59.25	
5	231010	Nguyễn Thị Kim	Nga	21/04/1991	Nữ		9.50	61.50		61.50	
6	231011	Huỳnh Đông	Nghi	21/08/2000	Nam		9.50	MT	MT	MT	
7	231012	Vũ Đình	Sơn	28/07/1981	Nam		9.50	63.75		63.75	
8	231013	Trương Công	Tân	01/01/1981	Nam		7.00	86.50		86.50	
9	231014	Hồ Thị Diễm	Thương	26/4/1989	Nữ		8.00	50.25		50.25	
10	231015	Nguyễn Minh	Vĩ	26/07/1994	Nam		8.00	72.75		72.75	
11	231016	Lê Cảnh	Việt	10/10/1980	Nam		7.00	79.25		79.25	
12	231017	Nguyễn Minh	Vũ	26/07/1994	Nam		8.00	MT	MT	MT	

3. NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

STT	SỐ BÁO DANH	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	ĐÔI TƯỢNG	ĐIỂM				GHI CHÚ
							XÉT TUYỂN	TIẾNG ANH			
								Điểm thi	Ưu tiên	Điểm NN	
1	231018	Phan Xuân	Dũng	02/04/1991	Nam		7.00	65.50		65.50	
2	231019	Đỗ Phạm Tuấn	Dũng	06/08/1992	Nam		8.00	MT	MT	MT	
3	231020	Nguyễn Thị Huỳnh	Duyên	29/01/1990	Nữ		8.00	60.25		60.25	
4	231021	Nguyễn Lê Bảo	Hân	19/07/2000	Nữ		8.00	75.00		75.00	
5	231022	Lê Thu	Hằng	30/12/1988	Nữ		7.00	70.25		70.25	
6	231023	Phạm Thanh	Huyền	11/10/1993	Nữ		8.00	73.75		73.75	
7	231024	Đinh Thùy	Linh	21/07/1993	Nữ		8.00	84.50		84.50	
8	231025	Phạm Thị Kim	Loan	03/11/1996	Nữ		8.00	73.50		73.50	
9	231026	Ông Võ Hoàng	My	12/11/2001	Nữ		9.00	91.50		91.50	
10	231027	Võ Trần Minh	Ngọc	22/02/1991	Nam		8.00	80.00		80.00	
11	231028	Dư Thị	Nhung	26/01/1991	Nữ	KV1	6.50	68.50	10.00	78.50	
12	231029	Nguyễn Thị Ái	Thu	01/10/1981	Nữ		9.00	75.50		75.50	
13	231030	Trần Thùy	Tiên	31/07/1993	Nữ		9.00	MT	MT	MT	
14	231031	Phạm Thị	Vân	18/08/1986	Nữ		7.00	76.75		76.75	

4. NGÀNH NGÔN NGỮ ANH

STT	SỐ BÁO DANH	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	ĐÔI TƯỢNG	ĐIỂM				GHI CHÚ
							XÉT TUYỂN	NGOẠI NGỮ			
								Điểm thi	Ưu tiên	Điểm NN	
1	231032	Nguyễn Khánh	An	28/09/1998	Nữ		7.00	51.00		51.00	
2	231033	Dương Nam	Cao	01/05/1988	Nam		8.00	90.50		90.50	
3	231034	Võ Thị Hồng	Giang	11/09/1991	Nữ		9.00	95.50		95.50	
4	231035	Nguyễn Thái	Hòa	26/09/1982	Nam		7.50	85.50		85.50	
5	231036	Văn Thị	Nguyên	24/5/1983	Nữ		7.50	88.50		88.50	
6	231037	Hoàng Thúy	Quỳnh	14/04/1984	Nữ		9.50	97.00		97.00	
7	231038	Trần Thanh	Tâm	23/11/1999	Nữ		8.00	57.00		57.00	

Handwritten signature/initials

STT	SỐ BÁO DANH	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	ĐỐI TƯỢNG	ĐIỂM				GHI CHÚ
							XÉT TUYỂN	NGOẠI NGỮ			
								Điểm thi	Ưu tiên	Điểm NN	
8	231039	Võ Thùy Thu	Thảo	01/04/1995	Nữ	KV1	8.50	97.50	10.00	107.50	
9	231040	Nguyễn Thị Bích	Thượng	21/07/1983	Nữ	KV1	8.00	98.00	10.00	108.00	
10	231041	Nguyễn Hà Thủy	Tiên	26/03/1990	Nữ		7.00	95.00		95.00	
11	231042	Nguyễn Hoàng Bảo	Trân	22/06/1994	Nữ		9.00	54.00		54.00	
12	231043	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	18/09/1998	Nữ		9.00	55.00		55.00	
13	231044	Lê Vũ Tường	Vy	21/12/2000	Nữ		9.00	54.00		54.00	

Ghi chú: MT: Miễn thi ; KV1: Khu vực 1

LẬP BẢNG

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

HIỆU TRƯỞNG

Phùng Văn Tài

Võ Tấn Tú

Lê Minh Chiến

